

DANH SÁCH GHI ĐIỂM
HỌC KỲ: II NĂM HỌC: 2011-2012

MÃ LỚP: DE09KT56D(ĐH Kế toán liên thông 2009 (VLVH))

MÔN: SD, PM, SPSS, Thống kê, CNTT Mã MH:.....

GVGD: Nguyễn Văn Vũ.....

Ngày thi: 19/8/2012; Lần thi: I

Thời gian: 60 phút.....

Phòng thi: PM.2.8.....

Số Tín Chi: 02

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QT	D.Thi	Tổng kết	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú	
1	131909773	Lê Văn Bình	10/11/1974		6,5	9,5	8,0	1	<i>Lot</i>	
2	131909774	Huỳnh Thị Chử	18/04/80		6,5	7,5	7,0	1	<i>Nh</i>	
3	131909775	Phạm Thế Dân	15/04/80		9,0	10,0	10,0	1	<i>Th</i>	
4	131909776	Phạm Thành Đạt	5/3/1972		8,5	9,5	9,0	1	<i>Th</i>	
5	131909777	Nguyễn Thị Hồng Diễm	12/8/1982		6,0	10,0	8,0	1	<i>Nh</i>	
6	131909778	Lê Thị Ngọc Diễm	12/10/1985		8,0	8,5	8,0	1	<i>Nh</i>	
7	131909779	Huỳnh Tấn Đức	16/10/76		8,0	9,5	9,0	1	<i>Ng</i>	
8	131909780	Vũ Mai Duyên	11/7/1987		9,0	8,0	9,0	1	<i>Ng</i>	
9	131909781	Phạm Thị Gờ	10/10/1982							
10	131909783	Nguyễn Đức Hiếu	2/1/1989		8,0	10,0	9,0	1	<i>Ng</i>	
11	131909784	Nguyễn Thị Hiếu	12/7/1982		9,0	10,0	10,0	1	<i>Ng</i>	
12	131909785	Nguyễn Thị Thu Hồng	12/8/1980		9,0	10,0	10,0	1	<i>Ng</i>	
13	131909786	Huỳnh Thị Thanh Huyền	24/07/86		9,5	8,0	9,0	1	<i>Ng</i>	
14	131909787	Võ Hồng Khanh	30/03/87		8,0	10,0	9,0	1	<i>Ng</i>	
15	131909788	Cao Văn Kiện	9/1/1981		7,0	10,0	9,0	1	<i>Ng</i>	
16	131909789	Nguyễn Thị Lài	1/80		6,5	10,0	8,0	1	<i>Ng</i>	
17	131909790	Thái Thị Phương Lam	28/07/84		9,0	10,0	10,0	1	<i>Ng</i>	
18	131909791	Nguyễn Thị Lệ	1/80		9,5	8,0	9,0	1	<i>Ng</i>	
19	131909792	Lâm Thị Trúc Linh	18/10/85		7,0	9,5	8,0	1	<i>Ng</i>	
20	131909793	Huỳnh Thị Thúy Loan	27/09/87		8,5	8,5	9,0	1	<i>Ng</i>	
21	131909794	Nguyễn Thị Kim Loan	9/10/1982		6,5	10,0	8,0	1	<i>Ng</i>	
22	131909795	Nguyễn Thị Trúc Ly	9/7/1986		6,0	10,0	8,0	1	<i>Ng</i>	
23	131909796	Nguyễn Thị Thanh Minh	4/10/1980		8,0	8,0	8,0	1	<i>Ng</i>	
24	131909797	Đoàn Thị Bé Nga	9/11/1984							
25	131909798	Bùi Thị Kim Ngân	15/03/80		7,0	10,0	9,0	1	<i>Ng</i>	
26	131909799	Phạm Ngọc Đông Nghi	17/11/84		8,0	10,0	9,0	1	<i>Ng</i>	
27	131909800	Trần Trọng Nghi	20/09/82		6,5	4,5	6,0	1	<i>Ng</i>	
28	131909801	Lê Phúc Hoàn Nguyên	30/04/85		8,5	7,0	8,0	1	<i>Ng</i>	
29	131909802	Nguyễn Thị Nguyệt	16/09/87		10,0	10,0	10,0	1	<i>Ng</i>	
30	131909803	Hồ Thị Thúy Nha	3/8/1985		9,0	10,0	10,0	1	<i>Ng</i>	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	QT	Đ.Thi	Tổng kết	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
31	131909804	Trương Văn	Nhàn	2/5/1971	10,0	9,5	10,0	1	Ulan	
32	131909805	Cao Thành	Nhân	15/09/87	9,5	7,0	8,0	1	Th	
33	131909806	Nguyễn Thị Trúc	Nhi	1/89						
34	131909807	Phạm Thị Tuyết	Nhi	20/03/84	10,0	10,0	10,0	1	Th	
35	131909808	Võ Phú	Nhuận	30/12/73	9,5	8,0	9,0	1	Ulan	
36	131909809	Lê Thị Kiều	Oanh	20/07/85	7,5	9,0	8,0	1	Th	
37	131909811	Phạm Thị Ngọc	Oanh	14/09/85	7,5	7,0	7,0	1	Th	
38	131909812	Phan Thị Yên	Oanh	3/6/1978	9,0	8,0	9,0	1	oanh	
39	131909813	Nguyễn Thị Hương	Phấn	20/11/85	9,0	6,0	8,0	1	Phấn	
40	131909814	Trần Văn Tuấn	Phi	20/09/88	9,5	5,0	7,0	1	Th	
41	131909815	Trần Thanh	Phước	11/8/1988	8,5	8,5	9,0	1	Th	
42	131909816	Nguyễn Thị Trúc	Phương	10/3/1978	8,0	9,5	9,0	1	Phương	
43	131909817	Nguyễn Thị Uyên	Phương	18/03/80	7,0	10,0	9,0	1	Th	
44	131909818	Phan Thị Trúc	Phương	3/6/1988	10,0	6,0	8,0	1	Phan	
45	131909819	Võ Thị	Phương	12/4/1985						
46	131909820	Lê Thị Kim	Phượng	10/2/1986	8,0	9,0	9,0	1	Th	
47	131909821	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	1/85	8,0	9,0	9,0	1	Th	
48	131909822	Lê Thảo	Quyên	19/10/84	8,0	10,0	9,0	1	Th	
49	131909823	Nguyễn Thị Kim	Quyên	6/6/1985	8,0	10,0	9,0	1	Quyên	
50	131909824	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	22/02/85	10,0	5,0	8,0	1	Th	
51	131909825	Trần Thị Tố	Quyên	22/02/88	8,0	10,0	9,0	1	Th	
52	131909826	Dương Thanh	Son	30/10/75	6,5	10,0	8,0	1	Th	
53	131909827	Nguyễn Trúc	Son	13/12/86	9,5	5,0	7,0	1	Th	
54	131909828	Đặng Minh	Tâm	18/11/73	8,5	8,5	9,0	1	Th	
55	131909829	Lê Ngọc Thanh	Tâm	23/01/88	9,0	10,0	10,0	1	Tam	
56	131909830	Ngô Minh	Tân	17/04/85	6,0	9,5	8,0	1	Th	
57	131909831	Lê Văn	Tán	26/03/81	10,0	8,0	9,0	1	Ulan	
58	131909832	Nguyễn Văn	Thắm	6/10/1984	8,0	10,0	9,0	1	Th	
59	131909833	Nguyễn Hồng	Thắm	4/1/1987	8,0	10,0	9,0	1	Th	
60	131909834	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	8/2/1985	9,0	10,0	10,0	1	Th	
61	131909835	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	20/08/79	7,0	10,0	9,0	1	Th	
62	131909836	Võ Thị Hồng	Thắm	20/12/87	9,0	9,5	9,0	1	Th	
63	131909837	Dương Quốc	Thanh	1/70	8,5	8,5	9,0	1	Th	
64	131909838	Nguyễn Việt	Thanh	1/6/1987	10,0	8,0	9,0	1	Th	
65	131909839	Phạm Thị Kim	Thanh	24/05/84	9,0	10,0	10,0	1	Th	
66	131909840	Trương Thị Hồng	Thanh	16/05/87	10,0	4,5	7,0	1	Th	
67	131909841	Huỳnh Thị	Thảo	4/6/1982	8,5	10,0	9,0	1	Th	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QT	Đ.Thi	Tổng kết	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú	
68	131909842	Phạm Thị Phương	Thảo	5/5/1971	9,0	8,0	9,0	1	M	
69	131909843	Phan Thị Hồng	Thảo	21/03/83	9,0	10,0	10,0	1	Phan	
70	131909844	Phan Thị Thanh	Thảo	22/04/86	6,0	9,5	8,0	1	Va	
71	131909845	Trương Thị Hồng	Thảo	22/05/83	8,5	10,0	9,0	1	Th	
72	131909846	Võ Thị Kim	Thảo	4/10/1987	8,0	10,0	9,0	1	Th	
73	131909847	Nguyễn Thị Bạch	Thiện	20/07/62	9,0	10,0	10,0	1	Th	
74	131909848	Văn Minh	Thiện	16/10/88	9,0	10,0	10,0	1	Minh	
75	131909849	Phan Thị Ngọc	Thơ	24/11/80	8,0	8,5	8,0	1	Th	
76	131909850	Nguyễn Ngọc	Thọ	14/03/78	8,0	10,0	9,0	1	Th	
77	131909851	Lê Thị Kim	Thoa	2/1/1981	6,5	10,0	8,0	1	Th	
78	131909852	Nguyễn Kim	Thoa	11/11/1985	10,0	10,0	10,0	1	Th	
79	131909853	Võ Trần Kim	Thoa	1/3/1983	9,0	10,0	10,0	1	Th	
80	131909854	Bùi Thị Mỹ	Thuận	2/9/1981	6,0	9,0	8,0	1	Th	
81	131909855	Đỗ Thị Diễm	Thúy	22/04/89	9,0	10,0	10,0	1	Th	
82	131909856	Hồ Thị Ngọc	Thúy	29/10/82	6,0	10,0	8,0	1	Th	
83	131909857	Nguyễn Thị	Thúy	10/4/1978	9,0	10,0	10,0	1	Th	
84	131909858	Nguyễn Thị Phương	Thúy	15/09/85	6,0	10,0	8,0	1	Th	
85	131909859	Lê Thị Phương	Thùy	26/10/88	6,5	6,0	6,0	1	Th	
86	131909860	Đặng Bích	Thùy	20/01/85	7,0	7,5	7,0	1	Th	
87	131909861	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	1/1/1976	8,0	10,0	9,0	1	Th	8,0
88	131909862	Phan Bích	Thùy	12/2/1986	9,0	9,5	9,0	1	Th	
89	131909863	Phạm Thị Thùy	Tiên	1/5/1988	10,0	4,5	7,0	1	Th	
90	131909864	Huỳnh Bảo	Toàn	21/08/83						
91	131909865	Nguyễn Văn	Toàn	15/12/70	8,5	9,5	9,0	1	Th	
92	131909866	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	10/7/1979	9,5	8,0	9,0	1	Th	
93	131909867	Lương Thị Huyền	Trang	3/8/1988	9,0	10,0	10,0	1	Th	
94	131909868	Nguyễn Xuân	Trang	2/6/1984	9,0	7,0	8,0	1	Th	
95	131909869	Phạm Thị Thùy	Trang	1/12/1984	9,0	8,0	9,0	1	Th	
96	131909870	Trần Thị	Trang	17/07/87	10,0	10,0	10,0	1	Th	
97	131909871	Trương Thị Thùy	Trang	30/04/83	8,0	10,0	9,0	1	Th	8,0
98	131909872	Hồ Hữu	Triều	20/11/79	8,0	8,0	8,0	1	Th	
99	131909873	Trần Thị Mộng	Trinh	20/06/88	8,0	10,0	9,0	1	Th	
100	131909874	Võ Thị Thu	Trúc	5/12/1983	8,0	10,0	9,0	1	Th	
101	131909875	Nguyễn Xuân	Trường	20/10/78	8,5	7,5	8,0	1	Th	7,5
102	131909876	Ngô Thanh	Tuấn	19/06/79	8,0	7,0	8,0	1	Th	
103	131909877	Nguyễn Thái	Tường	11/5/1987	8,0	10,0	9,0	1	Th	
104	131909878	Nguyễn Văn	Tuột	12/12/1964	8,0	10,0	9,0	1	Th	

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QT	D.Thi	Tổng kết	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú	
105	131909879	Võ Thị Bích	Tuyên	15/03/82	8,0	10,0	9,0	1		
106	131909880	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyết	6/2/1986	9,0	8,0	9,0	1		
107	131909881	Nguyễn Thị	út	20/10/83	10,0	10,0	10,0	1		
108	131909882	Nguyễn Văn	út	15/07/73	8,0	9,5	9,0	1		
109	131909883	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	12/6/1974	6,5	9,5	8,0	1		
110	131909884	Nguyễn Thúy	Vân	27/11/87	9,0	10,0	10,0	1		
111	131909885	Phạm Thị Hồng	Vân	20/03/81						
112	131909886	Bùi Thị Trường	Vi	21/01/87	6,5	10,0	8,0	1		
113	131909887	Lê Thị Ru	Xa	11/7/1983	6,5	10,0	8,0	1		
114	131909888	Lê Thị Thanh	Xuân	15/04/82	8,5	10,0	9,0	1		
115	131909889	Phạm Thị Thanh	Xuân	12/1/1986	7,5	6,0	7,0	1		
116	131909890	Nguyễn Bạch	Yên	2/10/1973	6,0	9,5	8,0	1		
117	131909891	Nguyễn Hoàng Phi	Yên	19/05/78	9,5	10,0	10,0	1		
118	131909892	Phạm Thị Ngọc	Yên	12/5/1986	6,5	10,0	8,0	1		
119	131909893	Phạm Trần Kim	Yên	8/9/1988	7,0	10,0	9,0	1		
120	131909894	Trịnh Thị Kim	Yên	25/12/83	8,5	8,5	9,0	1		

Tổng SV trên danh sách:.....1.20.....

Tổng SV dự thi:1.14.....

Số sinh viên vắng thi:6.....

Tổng bài thi: 1.14... Tổng tờ giấy thi: 1.14.....

Cán bộ coi thi 1...Nguyễn Văn Vũ An.....;

Điểm quá trình:.....50...%: Điểm thi:50...%

Trà Vinh, ngày...19... Tháng...8... Năm...2012...

Cán bộ ghi điểm...Nguyễn Văn Vũ An.....

Cán bộ coi thi 2

Cán bộ kiểm tra